

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 14-01-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 220/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Bé Thị Hoài N**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 2, xã B' Lá, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 10C, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bé Thị Hoài N trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H chung sống với nhau từ năm 2019 đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, mâu thuẫn trong kinh tế, anh Hùng không chăm lo đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai người phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cũng không liên lạc,

kinh tế riêng biệt. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Bé Thị Hoài N xin được ly hôn với anh Hùng.

**Về con chung:** Chị Bé Thị Hoài N trình bày quá trình chung sống chị và anh Dương Văn H có 01 người con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020. Ly hôn chị Nhi yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến tuổi trưởng thành. Chị Nhi không yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Chị Bé Thị Hoài N trình bày chị và anh Dương Văn H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Chị Bé Thị Hoài N trình bày chị và anh Dương Văn H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn anh Dương Văn H trình bày:***

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Dương Văn H trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hợp nhau nên anh Hùng đồng ý được ly hôn với chị Bé Thị Hoài N.

**Về con chung:** Anh Dương Văn H trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020. Ly hôn anh Dương Văn H đồng ý giao con chung cho chị Bé Thị Hoài N chăm sóc và nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh Hùng và chị Nhi sẽ thỏa thuận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Anh Dương Văn H trình bày anh và chị Bé Thị Hoài N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Anh Dương Văn H trình bày anh và chị Bé Thị Hoài N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/12/2021 nhưng không được do anh Dương Văn H có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, đồng thời chị Bé Thị Hoài N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H được ly hôn. Về con chung giao 01 người con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020 cho chị Bé Thị Hoài N chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con do chị Bé Thị Hoài N không yêu cầu anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## **I. Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị Bé Thị Hoài N và bị đơn anh Dương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

## **II. Về nội dung vụ án:**

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H chung sống với nhau từ năm 2019 đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, mâu thuẫn trong kinh tế, anh Hùng không chăm lo đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai người phân ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cũng không liên lạc, kinh tế riêng biệt.. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Nhi và anh Hùng yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Dương Văn H có đơn đề nghị vắng mặt nên hòa giải không thành. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, kinh tế cũng riêng biệt, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung:* Xét lời khai của chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H, căn cứ vào giấy khai sinh chị Bé Thị Hoài N nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H có 01 người con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020. Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H đều thống nhất giao con chung là Dương Tuấn V cho chị Bé Thị Hoài N chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020 cho chị Bé Thị Hoài N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Bé Thị Hoài N không yêu cầu anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

{3} *Về tài sản chung:* Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung:* Chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Bé Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé Thị Hoài N đối với anh Dương Văn H về việc “Xin ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Bé Thị Hoài N và anh Dương Văn H được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Dương Tuấn V, sinh ngày 09/9/2020 cho chị Bé Thị Hoài N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị Hoài N không yêu cầu anh Dương Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

**3. Về án phí:** Buộc chị Bé Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Bé Thị Hoài N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004157 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Thành, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Trần Thị Hà Vi**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Hồng Liên**

**Phan Thị Hà**

**Trần Thị Hà Vi**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Ngãi, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà Vi**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Hồng Liên  
Thị Hà**

**Phan**

**Trần Thị Hà Vi**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Ngãi, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà Vi**



**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA SƠ THẨM**

**Hồ Thị Hồng Liên  
Vi**

**Phan Thị Hà**

**Trần Thị Hà**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà Vi**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà Vi**









